TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Thắng
Ông Lý Quốc Cường
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hữu V, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã PTT A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
- *Bị đơn:* Bà Hữu Hồng T, sinh năm 2000 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trình bày của ông Trần Hữu V tại đơn khởi kiện 22/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Ông Trần Hữu V và bà Hữu Hồng T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PTTA, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 23/5/2018. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài nên ông V yêu cầu được ly hôn với vợ là bà Hữu Hồng T.

Về con chung: Ông Trần Hữu V và bà Hữu Hồng T có 01 người con chung tên Trần Kiều Thúy D, sinh ngày 20/6/2018 (giới tính nữ). Khi ly hôn, ông V giao cho bà T tiếp tục nuôi dạy con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông V xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Hữu V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với vợ là bà Hữu Hồng T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bà Hữu Hồng T có nơi cư trú tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Hữu Hồng T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, ông Trần Hữu V xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt ông V, bà T theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Hôn nhân: Ông Trần Hữu V và bà Hữu Hồng T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PTTA, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 23/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, ông V xác định ông và bà T không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, do bà T vắng mặt không có lí do, ông V xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông V và bà T được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông Trần Hữu V và bà Hữu Hồng T có 01 người con chung tên Trần Kiều Thúy D, sinh ngày 20/6/2018 (giới tính nữ). Khi ly hôn, ông V tự nguyện để cho bà T tiếp tục nuôi dạy con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định. Xét con chung chưa đủ 07 tuổi, từ trước cho đến nay bà bà T nuôi dạy, bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông V nên cần chấp nhận cho bà T được tiếp tục nuôi dạy con chung, công nhận sự tự nguyện của ông V về việc cấp dưỡng nuôi con, ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền tương ứng ½ mức lương căn bản/tháng, tức 745.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung: Ông Trần Hữu V xác định không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó không xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Ông V xác định vợ chồng không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí Hôn nhân ga đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu V về việc ly hôn đối với bà Hữu Hồng T.

2.1. Về hôn nhân: Ông Trần Hữu V và bà Hữu Hồng T được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Trần Kiều Thúy D, sinh ngày 20/6/2018 (giới tính nữ) cho bà T tiếp tục nuôi dạy. Buộc ông V cấp dưỡng nuôi con với số tiền tương ứng với ½ mức lương căn bản/tháng, tức 745.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Hữu V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng);

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Hữu V phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)*;

Vào ngày 13 tháng 10 năm 2022, ông V có dự nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đối trừ, ông V nộp tiếp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)*.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã PTTA;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh